

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 01 - 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Võ

Ông Vũ Quang Yên

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/ TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2022/TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Đặng Văn B kết hôn với nhau ngày 28/7/2011 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Đ nay là xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh B tại khu L, xã H, huyện Đ. Sau đó vợ chồng anh chị chuyển sang làm ăn tại khu C, xã P, huyện Đ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, vợ chồng không

còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng chị, cháu D đang ở cùng anh B. Sau ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đặng Thanh T còn để anh B nuôi dưỡng cháu Đặng Thùy D. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Đặng Văn B trình bày: Anh và chị A kết hôn với nhau ngày 28/7/2011 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Đ nay là xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh tại khu L, xã H, huyện Đ. Sau đó vợ chồng anh chị chuyển sang làm ăn tại khu C, xã P, huyện Đ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh B đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh và chị A có 02 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng chị A, cháu D đang ở cùng anh B. Sau ly hôn anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

+ Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Đặng Văn B.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A và anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A và bị đơn là anh Đặng Văn B đều có nơi cư trú tại Khu L, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh B nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn B.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Đặng Văn B là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2011 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Đ nay là xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở cùng gia đình anh B tại khu L, xã H, huyện Đ. Sau đó vợ chồng anh chị chuyển sang làm ăn tại khu C, xã P, huyện Đ. Theo chị A thì quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Theo anh B thì hai vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh. Anh đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc chị A và anh B thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

[3] Về con chung: Chị A và anh B thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng chị A, cháu D đang ở cùng anh B. Khi ly hôn nguyên vọng của chị A được nuôi dưỡng cháu T, để anh B nuôi dưỡng cháu D. Phía anh B đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con là cháu D và cháu T. Chị A và anh B đều không đề nghị cấp dưỡng. Xét thấy nguyên vọng được nuôi con của chị A và anh B sau khi vợ chồng ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Hiện tại chị A và anh B đều là lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng từ 5 đến 6 triệu đồng một tháng. Theo chị A thì cháu T sức khỏe yếu bẩm sinh và còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, cháu D có nguyên vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cho chị A và anh B mỗi người nuôi một con sau khi vợ chồng ly hôn là phù hợp. Vì vậy cần giao con chung là cháu Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 cho anh Đặng Văn B trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A và anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau do anh chị tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không đề nghị Toà án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xét thấy việc chị A tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thanh T, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đặng Thùy D, sinh ngày 24/9/2012 cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A và anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị A và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **AA/2020/0004215 ngày 19/10/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị A 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã;
- Lưu HS + VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khanh

